



wò fáng

卧房

noun · bedroom

Example Sentences

wǒ de wò fáng hěn xiǎo dàn hěn shū fu
我的卧房很小但很舒服。

My bedroom is small but very comfortable.

tā xǐ huan zài wò fáng lǐ fàng yī pén huā
她喜欢在卧房里放一盆花。

She likes to put a pot of flowers in the bedroom.

Trace each character, then write the word on your own.

卧	卧	卧	卧	卧	卧	卧	卧	卧	卧	卧
房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房